TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/7/2020.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đỗ Trọng Hoành;

- Ông Lê Đức Trí.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - Sinh năm 1989; vắng mặt;

Trú tại: Ấp Đông An 2, xã T. T, thị xã N. B, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Trần Phú H - Sinh 1984; Vắng mặt;

Trú tại: Thôn 13, xã T. D, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì chị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2011 của UBND xã T. T, thị xã N. B, tỉnh Hậu Giang. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, được khoảng 04 năm sau thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 chị N bế con về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Chị N trình bày, vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị B. A - Sinh ngày 06/12/2012. Hiện cháu đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nay ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu An. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị N trình bày, chị và anh H thống nhất vợ chồng tự phân chia tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, anh Trần Phú H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

- Về hôn nhân: Anh H xác nhận thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và có con chung như lời trình bày của chị N. Nguyên nhân, vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 chị N bế con về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị N làm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn tôi, tôi đồng ý.

- *Về con chung:* Nếu ly hôn anh H nguyện vọng được nuôi con, anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và công nợ:* Anh H và chị N tự thỏa thuận và phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/5/2020 cháu Trần Thị B. A - Sinh ngày 06/12/2012, trong Đơn trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ. Hiện tại cháu An đang ở với mẹ tại xã T. T, thị xã N. B, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nH đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về việc ly hôn với anh Trần Phú H. Giao cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, tranh chấp giữa các bên đương sự là về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 30/3/2011 của UBND xã T. T, thị xã N. B, tỉnh Hậu Giang. Nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận: Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên đương sự thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau và thực tế vợ chồng đã không chung sống cùng nhau hơn bốn năm nên tình cảm vợ chồng không còn.

Như vậy, hai bên không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng như: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Ngi và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh H, anh đồng ý. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Phú H xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị B. A - sinh ngày 06/12/2012. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Chị N đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, vì muốn cháu được tiếp tục ổn định cuộc sống và học tập, phát triển. Thấy rằng chị N có nghề uốn tóc và có thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng khoảng 5 đến 6 triệu đồng. Mặt khác cháu An và chị N là cùng giới tính nên việc chăm sóc, giáo dục cháu sẽ thuận lợi hơn khi cháu được gần mẹ. Anh H thường xuyên đi làm ăn xa nên sẽ không đảm nhiệm được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ các lý do trên, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị B. A là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh H có ý kiến nếu giao cháu An cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19; 51, 56, 81; 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Trần Phú H.

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Phú H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 30/3/2011 của UBND xã T. T, thị xã N. B, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Trần Thị N và anh Trần Phú H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Thị B. A - Sinh ngày 06/12/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng:* Anh Trần Phú H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Trần Thị N và anh Trần Phú H đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0007304 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án huyệnThọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Thọ Xuân (để thi hành);
- UBND xã T. T, thị xã N. B,
tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyên Tiến Dũng